

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC
VÀO NGÀY 31/12/2006**

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2006	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2006	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2006	13 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Mại Linh, (sau đây gọi tắt là "Công ty") báo lệnh dự trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

I. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Mại Linh, tiền thân là Công ty TNHH Du lịch - Thương mại - Vận tải hành khách Mại Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 400/001/038 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi lần thứ 13 ngày 04/2007.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau: Dịch vụ du lịch (ở hình nội địa, quốc tế; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt, bằng taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải bằng; Vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; Kinh doanh xếp dỡ tại cảng, bến thủy nội địa, terminal phương tiện thủy nội địa; Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa; Bảo dưỡng, vận chuyển xe ô tô , máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải; Sửa chữa đóng mới trung thất hi, phương tiện vận tải thủy bộ; Cầu công cơ khí, phụ tùng ô tô; Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng dầu, gas; Đào tạo dạy nghề; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Quản lý bất động sản; Xây dựng và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Đại lý vận tải; Dịch vụ cho thuê vận phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lặn; Dịch vụ bán xe, bất động sản; Sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo, valy, túi xách, yên dệm xe; Mua bán máy dệt kỹ số và phụ kiện; Dịch vụ nhận, chỉ trả ngoại tệ; Đại lý đổi ngoại tệ; Mua bán, chỉ tiêu, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trang sức, rèm, rèm treo, giường, tủ, bàn, ghế; Tư vấn du học; Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhận biển; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm; Bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại; Bàn phím, thẻ các điện thoại di động; Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng; điện thoại; Đại lý ký gửi hàng hóa; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Kinh doanh du lịch; Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế; Dịch vụ sản xuất da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây cháy nổ); Trồng rừng; Đầu tư xây dựng thủy điện; Cho thuê nhà ở, văn phòng; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (khác, trung tâm thương mại); Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cấp nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đại lý bảo hiểm; Hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ).

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : số 64 - 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-8) 829 8888
- Fax : (84-8) 822 9999



CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm 2006 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Bà Hồ Thị Phương	Thành viên
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Ông Huỳnh Kim Ngọc	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Chung Trần Quốc Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Minh	Thành viên
Bà Vũ Hương Giang	Thành viên
Bà Đặng Phạm Minh Loan – Quỹ Đầu tư Vina Capital	Thành viên
Ông Phạm Đăng Hưng – Quỹ Đầu tư Indochina Capital	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Hồ Huy	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc đối ngoại và đào tạo
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc nhân lực và môi vụ
Ông Trương Quang Mẫn	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc tài chính/ Kế toán trưởng
Ông Hồ Hữu Lân	Phó Tổng Giám đốc quản lý chất lượng

3. Định giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2006 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản



CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo sự bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

3. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006 cho Công ty.

4. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng văn đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Mại Linh phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2007



Số: 08.208/HCKT.2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh, (sau đây gọi tắt là Công ty) bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2008, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có trình bày sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi. Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Cho đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán phù hợp đối với các khoản mục sau:
 - Số dư khoản tiền mặt với số tiền là 41.755.897.454 đồng như trình bày tại mục 5.1 của thuyết minh báo cáo tài chính;
 - Số dư khoản phải thu khác với số tiền là 5.328.372.087 đồng như trình bày tại mục 5.2.2 của thuyết minh báo cáo tài chính;
 - Số dư khoản phải trả khác với số tiền là 16.433.932.924 đồng như trình bày tại mục 5.11.4 của thuyết minh báo cáo tài chính;
2. Như đã nêu tại mục 5.2.3 thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu đã tồn đọng nhiều năm, khó có khả năng thu hồi chưa được lập dự phòng;
3. Như đã nêu tại mục 5.4 thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm theo quy định của chuẩn mực/chế độ kế toán Việt Nam;



4. Như đã nêu tại mục 3.6.1 thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục chi phí trả trước dài hạn phản ánh các khoản chi phí chưa được phân bổ phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh.
5. Như đã nêu tại mục 5.8 thuyết minh báo cáo tài chính, tài sản cố định thuê tài chính chưa trích khấu hao vào chi phí trong năm.
6. Như đã nêu tại mục 6.2.1 thuyết minh báo cáo tài chính, khoản thặng dư vốn cổ phần với số tiền 86.098.140.000 đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2006 là chưa phù hợp với quy định của chế độ kế toán Việt Nam.
7. Tổng ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại các mục 2, 3, 4, 5 và 6 ở trên sẽ làm tăng chi phí, đồng thời làm giảm thu nhập và do vậy làm giảm tương ứng lợi nhuận trước thuế đã trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Mai Linh vào ngày 31/12/2006 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc điểm mục 4.10 của thuyết minh báo cáo tài chính năm 2006. Báo cáo tài chính năm 2006 đính kèm chưa bao gồm tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên - Công ty Cổ Phần Mai Linh
- Chi nhánh Tây Nguyên - Công ty Cổ Phần Mai Linh
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Lào Cai
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh tại Tỉnh Khánh Hòa
- Chi nhánh Dịch vụ Du lịch lễ hành quốc tế Mai Linh Quảng Trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2008



BẢN GIÁM CÁNH

Chứng chỉ KTV số Đ.0567/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM VĂN GIỚI

Chứng chỉ KTV số Đ.788/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGÂN HẠN	100		456.569.781.550	251.678.223.666
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		119.548.568.118	2.686.559.429
1. Tiền	111	5.1	119.548.568.118	2.686.559.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		128.020.000.000	20.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.10	128.020.000.000	20.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	245.874.390.692	89.677.728.862
1. Phải thu khách hàng	131		73.616.485.219	33.424.711.300
2. Thuế trước cho người bán	132		30.175.542.080	2.290.198.927
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		141.882.363.402	44.912.809.935
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.345.108.264	6.538.821.026
1. Hàng tồn kho	141	5.3	4.345.108.264	6.538.821.026
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		158.781.642.476	141.785.123.190
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	125.264.166.084	129.187.541.236
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		922.317.529	293.414.778
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		399.320.757	189.250.472
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	32.225.838.106	12.804.916.707

(Phân cấp theo ở trong T)



CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ số ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		481.550.527.793	343.501.091.990
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		333.989.500	78.056.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		333.989.500	78.056.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		326.107.325.684	267.688.916.314
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	301.879.282.484	265.090.813.296
- Nguyên giá	222		282.118.288.390	253.993.359.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.240.600.906)	(70.902.545.836)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	3.8	122.812.382.756	101.930.055.648
- Nguyên giá	225		154.316.656.366	147.571.238.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(31.504.273.610)	(45.641.183.232)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	871.280.000	271.376.701
- Nguyên giá	228		1.114.217.836	424.512.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(242.936.836)	(153.136.115)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		545.399.444	408.670.759
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	116.524.561.719	33.360.191.887
1. Đầu tư vào công ty con	251		52.214.947.806	17.292.695.487
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		35.095.866.163	9.870.840.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		29.213.750.150	6.036.656.100
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	5.6	26.584.650.899	42.441.928.879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		30.664.687.296	30.422.644.274
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.919.963.594	12.019.283.805
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.137.928.229.343	875.879.315.788

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		773.527.287.787	530.568.788.354
I. Nợ ngắn hạn	310	5.11	247.649.266.544	178.608.859.496
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		137.578.737.732	99.488.136.338
2. Phải trả người bán	312		23.046.477.062	23.599.084.890
3. Người mua trả tiền trước	313		1.197.086.474	6.711.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5.989.548.800	3.944.945.047
5. Phải trả người lao động	315		5.739.917.943	2.706.965.257
6. Chi phí phải trả	316		1.541.193.450	262.228.443
7. Phải trả nội bộ	317		3.489.937.940	4.618.990.221
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		69.066.366.173	81.913.789.335
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	320	5.12	525.878.021.243	351.767.927.659
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		7.233.475.389	6.031.574.178
4. Vay và nợ dài hạn	324		518.644.445.854	345.736.363.481
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	326		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	327		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		364.292.940.556	44.719.527.433
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	362.524.833.839	42.281.649.128
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		360.433.800.000	41.808.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chếch lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chếch lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.244.499	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.880.789.340	412.299.120
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		2.068.187.717	2.428.878.313
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		2.068.187.717	2.428.878.313
3. Nguồn kinh phí	422		-	-
4. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.137.920.229.343	875.679.315.788

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU SƠ LƯỢC BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản theo người			
2. Vốn tư, hàng hóa nhận gửi hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ kho bãi đồ đạc			
5. Ngoại tệ các loại			
USD		17.167,31	11.089,50
6. Dự toán chi tư nghiệp, dự án			

Ký nhân trưởng

MẠI HÀ THANH HÙNG

Ngày 10 tháng 5 năm 2008

Tổng Giám đốc



HỒ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		280.565.968.817	233.491.180.532
2. Chi khoản giảm trừ doanh thu	03		5.187.947.759	1.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	275.378.021.058	233.491.181.682
4. Giá vốn hàng bán	11		231.683.208.899	146.938.053.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.694.812.159	86.553.047.703
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	102.210.546.395	6.953.282.432
7. Chi phí tài chính	22	6.4	69.741.738.770	49.414.544.037
Trong đó: chi phí lãi vay	23		67.674.698.343	47.988.472.463
8. Chi phí bán hàng	24		2.494.227.351	3.275.460.331
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.405.031.939	52.132.287.357
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.264.371.554	(5.316.041.790)
11. Thu nhập khác	31	6.3	21.347.539.827	29.148.416.032
12. Chi phí khác	32	6.5	13.899.678.185	22.119.069.826
13. Lợi nhuận khác	40		7.457.861.722	3.029.346.206
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.722.233.276	(2.286.695.564)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.940.393.111	478.116.949
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.781.840.165	(2.764.812.513)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.256	(1.242)

Kế toán trưởng

MAI HÀ THANH HÙNG

Ngày 10 tháng 3 năm 2008

Tổng Giám đốc



HỒ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH BẢO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	2006 số	Th. mình	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.722.230.276
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02		18.994.724.354
Các khoản dự phòng	03		-
Lãi, lỗ chính sách tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.805.005.620)
Chi phí lãi vay	06		67.074.598.345
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		97.986.550.353
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(181.319.886.384)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(125.806.287.238)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.388.587.755)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.132.360.470)
Tiền lãi vay đã trả	13		(69.451.890.423)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.846.799.902)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.099.320.211
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(526.555.623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>(289.086.407.211)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55.073.169.474)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.455.575.884
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(83.224.370.132)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(128.841.963.722)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		318.213.923.963
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-

(Phần tiếp theo ở trang 12)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		441.534.613.810
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(173.286.741.397)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(47.468.139.644)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.103.285.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		334.899.771.622
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		116.862.000.689
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.686.519.429
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		119.548.560.118

Kế toán trưởng

MAI HÀ THANH HƯỜNG

Ngày 30 tháng 3 năm 2008

Tổng Giám đốc



HỒ HUY

Ghi chú: Báo cáo này không có số liệu so sánh do năm 2006 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác:

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1.1 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.2 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh, (sau này gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty TNHH Du lịch - Thương mại - Vận tải hành khách Mại Lĩnh được thành lập từ năm 1990 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 01/07/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100301038 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/06/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi lần thứ 13 ngày 09/04/2007.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau: Dịch vụ du lịch nội địa, quốc tế; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt, bằng taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng; Vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; Vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biển giới Việt Nam; Kinh doanh xếp dỡ tại cảng, bến thủy nội địa, thiết bị phao ngang tại thủy nội địa, Đông mới, cầu chèo phao ngang tại thủy nội địa; Hàng đường, cầu chèo xe ô tô, máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải; Sản xuất đồng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ; Giá công cơ khí, phụ tùng ô tô; Mua bán xe cơ động có, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe cơ động có, nhất, xăng dầu, gas; Đào tạo dạy nghề; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Quản lý bất động sản; Máy dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe; Đại lý vận tải; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa; Dịch vụ bán xe, bãi đỗ xe; Sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo, váy, túi xách, yên dệm xe; Mua bán máy đầm cây số và phụ kiện; Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ; Đại lý đổi ngoại tệ; Mua bán, chế tác, giá công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức; Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trang sức, sơn, mảnh treo, gương, tv, bàn, ghế; Tư vấn du học; Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm; Hàng trí, lắp đặt, cầu chèo điện thoại; Bảo sơn, sơn các điện thoại di động; Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng; Điện thoại; Đại lý ký gởi hàng hóa; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Kinh doanh dược; Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế; Dịch vụ sản xuất da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chấy méo); Trồng rừng; Đào tạo xây dựng thủy điện; Cho thuê nhà ở, văn phòng; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiều, trang sức thương mại); Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cấp nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đại lý bảo hiểm; Hoạt động nhà báo sáng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

1.4 Các đơn vị trực thuộc

Đến ngày 31/12/2006, Công ty đã thành lập các chi nhánh trực thuộc sau:

Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
1. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh Miền Trung	4/7/2003	Số 89 Thái Phiên, Quận Hai Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
2. Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh	8/11/2004	Số 48 Đường Ba tháng Hai, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Đang hoạt động
3. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh Cà Mau	23/11/2004	Số 11/31 Lý Thường Kiệt, Phường 4, Thành phố Cà Mau	Đang hoạt động
4. Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh	11/11/2005	Khu số 7, Đường Nguyễn Á, Huyện Bùn Cầu, Tỉnh Tây Ninh	Đang hoạt động
5. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh Đông Bắc Bộ	17/6/2003	Số 270 Trần Khai Châu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Đang hoạt động
6. Chi nhánh Du lịch & hành quân & Mại Lĩnh Huế	21/9/2004	Số 12 Hàng Vương, Thành phố Huế	Đang hoạt động
7. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh tại Đà Lạt	19/11/2004	Số 14 Nguyễn Văn Cừ, Phường 1, Thành phố Đà Lạt	Đang hoạt động
8. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh Rạch Giá	4/1/2006	Số 78 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá	Đang hoạt động
9. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Lĩnh Cao Lãnh	6/1/2006	Số 31 Võ Thị Sáu, Phường 2, Thị xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đang hoạt động

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
10. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Linh Trà Vinh	6/1/2006	Số 113A Kiên Thị Nhân, Phường 7, Thị xã Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Đang hoạt động
11. Chi nhánh Nam Trung bộ và Tây nguyên - Công ty Cổ Phần Mại Linh	12/12/2006	Tầng 6 Cao ốc văn phòng Á Châu, số 25 Lê Lợi, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu lại tổ chức của công ty
12. Chi nhánh Tây nguyên - Công ty Cổ Phần Mại Linh	15/1/2005	Số 188 Nguyễn Tấn Thành, Phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu lại tổ chức của công ty
13. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Linh Lào Cai	26/1/2005	Số 086 An Phú, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu lại tổ chức của công ty
14. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Linh tại Tỉnh Khánh Hòa	17/12/2004	Số 25 Lê Lợi, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu lại tổ chức của công ty
15. Chi nhánh Dịch vụ Đa lịch, từ hình quốc tế Mại Linh Quảng Trị	1/3/2005	Số 180 Lê Duẩn, Đông Hà, Quảng Trị	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu lại tổ chức của công ty

2. Năm độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1 Năm độ kế toán

Năm độ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đưa về tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

3.3 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tỷ và các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc định giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đồng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

• Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

• Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4 Nguyên giá và khấu hao tài sản cố định

• Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

• Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao áp dụng cho các nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	7 năm
- Dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
- TSCĐ vô hình	5 năm

4.5 Hợp đồng thuê tài chính

• Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán sẽ thuộc cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán sẽ thuê.

• Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

4.6 Các khoản đầu tư

• Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất định giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác:

- Nguyên tắc dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thông tin kinh nghiệm.

4.8 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sử hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu dịch vụ taxi được ghi nhận căn cứ kết quả cung cấp dịch vụ taxi tại các đơn vị thành viên trong Công ty Cổ phần Mai Linh. Chi phí tương ứng với doanh thu này được ghi nhận căn cứ các hóa đơn GTGT mà các đơn vị thành viên kinh doanh dịch vụ taxi lập để bán doanh thu cho Công ty.

Doanh thu về phí sử dụng thương hiệu được ghi nhận căn cứ thỏa thuận theo Hợp đồng cho thuê thương hiệu giữa Công ty Cổ phần Mai Linh và các đơn vị thành viên.

4.9 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

4.10 Phạm vi của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đính kèm là báo cáo tài chính tổng hợp được lập cho Văn phòng chính của Công ty và các chi nhánh trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Miền Trung
- Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ Phần Mai Linh
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Cà Mau
- Chi nhánh Mộc Bài - Công ty Cổ Phần Mai Linh
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Đồng Bào Bộ
- Chi nhánh Du lịch từ thành quốc tế Mai Linh Huế
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh tại Đà Lạt
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Rạch Giá

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Linh Cao Lãnh
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Linh Tài Vinh

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của các chi nhánh trực thuộc sau đây không phản ánh trên báo cáo tài chính này:

- Chi nhánh Nam Trung bộ và Tây Nguyên - Công ty Cổ Phần Mại Linh
- Chi nhánh Tây Nguyên - Công ty Cổ Phần Mại Linh
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Linh Lào Cai
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mại Linh tại Tỉnh Khánh Hòa
- Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Hè hình quốc tế Mại Linh Quảng Trị

(Phần tiếp theo ở trang 20)



**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	41.753.897.454	710.047.802
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	77.518.224.432	1.800.045.214
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng ngoại tệ	274.438.232	176.467.213
Cộng	119.546.560.118	2.686.559.429

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	5.2.1 73.616.485.210	33.424.711.300
Tài trước cho người bán	30.175.342.880	2.290.188.927
Các khoản phải thu khác	5.2.2 141.882.363.482	44.912.809.935
Dự phòng khoản phải thu	5.2.3 -	-
Gửi trị thuần của phải thu	245.674.191.692	80.627.720.162

5.2.1 Bao gồm phải thu các:

	Cuối năm	Đầu năm
Các đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh	35.528.287.474	9.763.983.329
Các khách hàng khác	38.088.197.736	23.660.727.971
Cộng	73.616.485.210	33.424.711.300

5.2.2 Bao gồm

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền bán xe trả góp	2.964.621.380	3.003.043.506
Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuế tài chính	6.690.679.062	3.218.400.813
Chi hệ các đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh	30.789.724.715	8.734.384.315
Cho các đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh vay	18.450.092.887	5.477.287.000
Cho CBCNV vay	57.539.644.524	16.851.790.239
Phải thu khác	5.424.580.794	3.627.940.822
Cộng	141.882.363.482	44.912.809.935

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các khoản cho vay có nhân là khoản cho vay đối với một số CBCNV chủ chốt của Công ty để góp vốn vào các đơn vị thành viên của Công ty và để mua đất phục vụ cho việc thực hiện các dự án của Công ty.

5.2.3 Số dư các khoản phải thu thương mại khi có khả năng thu hồi chưa được lập dự phòng là 3.064.095.311.

5.3 Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên vật liệu và vật tư, phụ tùng	91.212.508	2.521.412.827
Công cụ, dụng cụ	3.756.603.756	3.997.309.865
Hàng hóa là thuốc tây	319.528.637	385.133.134
Hàng hóa là thiết bị y tế thông thường	177.265.363	36.967.200
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4.345.108.264	6.538.821.026
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	4.345.108.264	6.538.821.026

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	35.385.882.407	23.246.268.977
Khấu hao TSCĐ	69.541.776.073	78.627.336.319
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi đã tạm chi	-	4.082.985.500
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	16.000.000.000	16.000.000.000
Chi phí chưa kết chuyển khác	4.336.507.632	7.221.030.440
Cộng	125.264.166.094	129.197.541.236

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng cho công nhân viên	5.5.1 29.617.945.282	9.583.280.863
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	2.617.892.844	2.451.833.844
Cộng	32.235.838.126	12.035.114.707

5.5.1 Trong đó khoản tạm ứng cho các nhân viên quản lý chủ chốt là 16.246.357.769.

5.6 Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	5.6.1 38.664.687.296	38.422.644.274
Ký cược ký quỹ dài hạn	5.6.2 7.919.963.594	12.019.283.805
Cộng	38.664.688.990	41.441.928.079



**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3.6.1 Bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Phí bảo hiểm	4.048.163.725	6.759.640.371
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	21.505.014.339	21.521.427.383
Giá trị thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.570.134.440	-
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	2.799.293.781	2.601.038.812
Chi phí khác chờ phân bổ	342.063.011	140.537.706
Cộng	30.664.687.296	30.422.644.254

3.6.2 Bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế môn cơ	7.167.811.000	3.414.661.217
Thuế mặt bằng	506.302.000	118.842.000
Mua cơ	-	6.398.380.588
Khác	346.050.594	27.480.000
Cộng	7.919.963.594	12.819.283.805

3.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: triệu đồng				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định khác	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.339	471	216.596	6.568	235.994
Tăng trong năm	287	52	81.675	1.123	83.137
Giảm trong năm	-	-	37.807	5	37.812
Số dư cuối năm	12.646	523	260.264	7.696	282.119
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.668	78	64.743	3.414	70.903
Khấu hao trong năm	1.480	81	14.983	966	17.510
Tăng khác	-	-	15.552	-	15.552
Giảm do thanh lý	-	-	23.723	-	23.723
Giảm khác	-	-	-	1	1
Số dư cuối năm	4.148	159	71.955	4.379	80.241



**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3.9 Tổng giá trị tài sản cố định vô hình

	Khóa mục	Phần mềm quản lý
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		424.512.896
Tăng trong năm		689.705.020
Giảm khác		-
Số dư cuối năm		<u>1.114.217.916</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		153.136.115
Khấu hao trong năm		89.820.721
Giảm khác		-
Số dư cuối năm		<u>242.956.836</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		<u>271.376.781</u>
Tại ngày cuối năm		<u>871.261.080</u>

3.10 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng		128.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác		20.000.000	20.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn		-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn		<u>128.020.000.000</u>	<u>20.000.000</u>
Đầu tư tài chính dài hạn			
Đầu tư vào công ty con	3.10.2	52.214.947.406	17.392.695.487
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	3.10.3	35.095.864.143	9.876.840.000
Đầu tư dài hạn khác	3.10.4	29.213.750.150	6.036.636.000
Cộng		<u>116.524.561.719</u>	<u>33.306.171.487</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10.2 Bao gồm

Tên công ty con	Số tiền đầu tư	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Mại Linh An Giang	702.000.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Bà Nồng	3.550.000.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Đồng Nai	1.650.000.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Hà Nội	7.234.679.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Nha Trang	3.953.855.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Thủ Đức	2.859.662.000	51%
Công ty Cổ phần Sản xuất & Thương mại Mại Linh	640.000.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Nghệ An	330.000.000	51%
Công ty Cổ phần Sản xuất & dịch vụ Mại Linh	1.170.000.000	51%
Công ty Cổ phần Vận tải Tắc Ninh Mại Linh	11.000.000.000	51%
Công ty Cổ phần Năng lượng Mại Linh	300.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đông Phong	402.191.218	51%
Công ty Cổ phần Tin Học Việt Linh	1.439.000.000	51%
Công ty Cổ phần Xuân Mai	6.350.000.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Tiền Giang	437.600.000	51%
Cty Cổ phần VTHK Mai Taxi	1.080.000.000	51%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Phụ tùng ô tô Hoàng Mai	2.108.000.000	51%
Công ty Cổ phần Mại Linh Huế	3.026.000.000	67%
Cộng	<u>52.214.947.806</u>	

5.10.3 Bao gồm

Tên công ty liên kết, liên doanh	Số tiền đầu tư	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Vận tải thành phố Taxi Sài Gòn	3.600.000.000	30%
Công ty Cổ phần Ba Mươi Taxi	1.976.889.163	30%
Công ty Cổ phần Deluxe Taxi	6.800.000.000	30%
Công ty Cổ phần Gia Định Taxi	3.600.000.000	30%
Công ty Cổ phần Tư vấn & Thiết kế Mại Linh	175.000.000	35%

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Tên công ty liên kết, liên doanh	Số tiền đầu tư	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Sài Gòn Bình Minh	9.500.000.000	25%
Công ty Cổ phần Mại Linh Long An	417.600.000	25%
Công ty Cổ phần Mại Linh Quảng Ngãi	470.000.000	35%
Công ty Cổ phần Mại Linh Quảng Ninh	1.500.000.000	35%
Công ty Cổ phần Mại Linh Thanh Hóa	770.000.000	35%
Công ty Cổ phần Mại Linh Vũng Tàu	608.440.000	40%
Công ty Cổ Phần Mại Linh Tây Ninh	3.232.915.000	31%
Công ty Cổ phần Vina Taxi	3.600.000.000	30%
Công ty Cổ phần Địa ốc Mại Linh	195.000.000	
Cộng	<u>35.095.564.165</u>	

5.10.4 Bao gồm

Tên đơn vị nhận đầu tư	Số tiền đầu tư
Công ty Cổ phần Chợ Lớn Taxi	6.800.000.000
Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn	1.125.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông	234.000.000
Công ty Cổ phần GMT	313.656.100
Công ty Mại Linh Campuchia	1.286.958.050
Công ty Cổ phần Mại Linh Bình Định	1.100.000.000
Công ty Cổ phần DV-XD-Khai thác Điện đò & Trạm điện chôn	75.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	3.750.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai	4.442.156.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	801.000.000
Trường THPT KTNV Mại Linh	5.000.000.000
Các đơn vị khác	2.262.000.000
Cộng	<u>29.213.758.150</u>

 26

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.11 Nợ ngắn hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	5.11.1	137.578.737.732	99.488.136.338
Phải trả người bán	5.11.2	23.046.477.062	25.599.084.890
Người mua trả tiền trước		1.197.086.474	6.711.165
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.11.3	5.989.549.800	3.944.945.047
Phải trả người lao động		5.739.917.913	2.764.965.257
Chi phí phải trả		1.541.193.450	262.228.443
Phải trả nội bộ		3.489.937.940	4.618.990.221
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.11.4	69.066.366.173	81.913.789.335
Cộng		247.649.366.544	178.699.850.694

5.11.1 Bao gồm:

		Cuối năm	Đầu năm
Vay cá nhân		116.625.680.202	35.793.600.680
Vay các đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh		200.000.000	13.293.786.290
Vay từ chính khác		20.753.057.530	10.398.949.448
Cộng		137.578.737.732	99.488.136.338

Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay từ 3 đến 12 tháng và lãi suất từ 1,00% đến 1,50%/tháng.

5.11.2 Bao gồm:

		Cuối năm	Đầu năm
Các đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh		6.518.015.030	4.867.465.275
Các nhà cung cấp khác		16.528.462.032	20.731.619.615
Cộng		23.046.477.062	25.599.084.890

5.11.3 Bao gồm:

		Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT đầu ra		516.808.362	3.295.193.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp		4.319.679.784	326.956.575
Các loại thuế khác		1.153.160.654	422.796.792
Cộng		5.989.549.800	3.944.945.047



CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.11.4 Bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn phải nộp	861.413.804	837.980.812
Kỳ quỹ taxi (khoản kỳ quỹ của các lái xe taxi theo quy định của Công ty)	3.224.659.999	8.319.974.623
Tiền thanh lý xe đã thu (khoản tiền đã thu về thanh lý xe nhưng chưa kết chuyển vào thu nhập khác)	37.917.545.195	47.148.773.298
Phải trả các đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mai Linh	10.628.814.253	10.412.447.769
Phải trả khác	16.433.932.924	15.194.612.821
Cộng	49.066.366.173	80.913.789.333

5.12 Nợ dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Nhận kỳ quỹ, kỳ cấp dài hạn	5.12.1	7.233.575.389	6.031.574.178
Trái phiếu phải hành	5.12.2	50.000.000.000	-
Vay cá nhân	5.12.3	269.765.199.754	131.537.157.463
Vay kinh doanh taxi	5.12.4	27.761.051.153	34.706.365.923
Vay ngân hàng	5.12.5	91.364.624.679	82.949.079.644
Nợ dài hạn thuê mua tài chính	5.12.6	72.097.400.240	71.819.049.693
Nợ dài hạn trả góp		7.656.199.928	24.914.710.758
Cộng		325.878.021.243	359.767.937.659

5.12.1 Chủ yếu là các khoản nhận kỳ quỹ cho hoạt động taxi.

5.12.2 Là trái phiếu VOF Investment Limited, thời hạn từ 21/11/2006 đến 21/11/2008, lãi suất 12,5%/năm. Mệnh giá 50 tỷ, giá trị thanh toán khi đáo hạn là 63.281.250.000.

5.12.3 Là khoản vay cá nhân với thời hạn từ 12 đến 60 tháng và lãi suất từ 1,50% đến 1,65%/tháng.

5.12.4 Là khoản vay cá nhân hoặc tổ chức để đầu tư phương tiện vận tải kinh doanh taxi theo các Hợp đồng góp vốn. Thời hạn hợp đồng là 60 tháng. Lãi suất là 1,00%/tháng hoặc 1,50%/tháng tùy thuộc vào quy định tại hợp đồng về quyền sở hữu xe sau khi chấm dứt hợp đồng vay sẽ thuộc về bên cho vay hay thuộc về Công ty.

5.12.5 Là khoản vay dài hạn tại các ngân hàng để đầu tư phương tiện vận tải kinh doanh taxi, với lãi suất từ 0,90% đến 1,20%/tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. (Xem thêm mục 5.7)

5.12.6 Là khoản nợ theo các hợp đồng thuê mua tài sản với lãi suất từ 1% đến 1,2%/tháng. Các khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn thuê tài chính. (Xem thêm mục 5.8)



**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Đơn vị tính: triệu đồng	
				Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	41.869	-	-	413	42.282
Tăng vốn kỳ này	318.565	-	-	-	318.565
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.782	9.782
Phân phối cổ tức	-	-	-	(8.198)	(8.198)
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	10	-	10
Giảm khác	-	-	-	(116)	(116)
Số dư cuối kỳ	360.434	-	10	1.881	362.325

5.13.2. Chỉ số về vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 09/04/2007, vốn đầu tư của Công ty là 980.000.000.000 đồng (chín trăm tám mươi tỷ đồng). Vốn đã thực góp đến ngày 31/12/2006 là 360.433.800.000, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông sáng lập	209.000.000.000	22.215.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	151.433.800.000	19.613.850.000
Cộng	360.433.800.000	41.829.350.000

5.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	41.869.350.000	19.915.750.000
+ Vốn góp tăng trong năm	318.564.450.000	1.953.600.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	360.433.800.000	41.869.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.097.833.850	8.197.726.350

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13.4 Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
• Số lượng cổ phiếu đang kỳ phát hành	68.000.000	6.800.000
• Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	20.900.000	2.225.550
+ Cổ phiếu ưu đãi	15.143.380	1.961.385
Cộng	<u>36.043.380</u>	<u>4.186.935</u>
• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cuối năm	Đầu năm
+ Cổ phiếu phổ thông	20.900.000	2.225.550
+ Cổ phiếu ưu đãi	15.143.380	1.961.385
Cộng	<u>36.043.380</u>	<u>4.186.935</u>

• Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu.
• Cổ phiếu ưu đãi được hưởng lợi tức cố định là 18%/năm.

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LÍNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày báo cáo kết quả kinh doanh

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

		Năm nay	Năm trước
Vào phòng chính	6.1.1	236.890.830.098	213.906.284.479
Các đơn vị trực thuộc	6.1.2	39.327.191.000	19.584.817.212
Cộng		<u>276.218.021.098</u>	<u>233.491.101.692</u>

6.1.1 Bao gồm:

		Năm nay	Năm trước
Dịch vụ taxi		69.281.949.242	56.760.514.052
Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ		45.498.206.591	38.255.585.500
Doanh thu hoạt động cho thuê xe		62.171.879.729	67.988.773.540
Doanh thu dịch vụ Mai Express		21.251.179.072	8.813.570.241
Doanh thu dịch vụ bán xe		16.577.913.577	21.762.408.634
Dịch vụ khác		21.369.710.847	20.323.422.498
Cộng		<u>236.890.830.098</u>	<u>213.906.284.479</u>

6.1.2 Tại các đơn vị trực thuộc, doanh thu phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận tải hành khách đường bộ

6.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		Năm nay	Năm trước
Vào phòng chính	6.2.1	101.787.107.259	6.947.906.382
Các đơn vị trực thuộc		423.439.096	3.296.050
Cộng		<u>425.226.203.355</u>	<u>10.243.902.432</u>

6.2.1 Bao gồm:

		Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động cho thuê thương hiệu		13.509.345.454	5.768.609.091
Lãi tiền gửi ngân hàng		546.453.289	37.498.700
Thu nhập tài chính khác		1.933.166.516	1.141.798.591
Thặng dư vốn cổ phần		86.098.140.000	-
Cộng		<u>101.787.107.259</u>	<u>6.947.906.382</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Khoản thu nhập từ việc cho thuê thương hiệu được xác định căn cứ thỏa thuận theo Hợp đồng cho thuê thương hiệu giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Mại Linh và các đơn vị thành viên nêu nêu tại mục 4.3 ở trên.

4.3 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	17.872.301.626	21.731.632.129
Thu nhập khác	3.479.238.201	3.426.783.923
Cộng	21.347.539.827	25.148.416.052

4.4 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay, thuê tài chính	67.074.398.343	42.988.452.463
Lỗ chênh lệch tỷ giá	385.947.542	426.091.574
Chi phí tài chính khác	2.281.184.885	-
Cộng	69.741.530.770	43.414.544.037

4.5 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	13.201.197.321	20.685.111.323
Chi phí khác	688.480.584	1.515.958.301
Cộng	13.889.678.185	22.119.069.624

7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Số tiền

• Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	33.413.260.236
• Chuyển nợ thành khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.760.088.932

(Phần tiếp theo ở trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

B. Những thông tin khác

B.1. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
• Đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh:		
1. Công ty Cổ phần Vận tải hành khách Mai Taxi, Công ty con	Cho thuê xe	15.802.296.000
2. Công ty Cổ phần Siêu châu ô tô Mại Linh, Công ty con	Cho vay ngắn hạn	3.350.000.000
3. Công ty Cổ phần Vận tải hành khách Taxi Sài Gòn, Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	11.900.000.000
	Cho thuê xe	8.968.578.000
4. Công ty Cổ phần Ba Mươi Taxi, Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000
5. Công ty Cổ Phần Deluxe Taxi, Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	10.858.629.784
	Cho thuê xe	10.159.830.000
6. Công ty Cổ phần Chợ Lớn Taxi, Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	2.000.000.000
	Cho thuê xe	6.409.043.000
7. Công ty Cổ phần Gia Định Taxi, Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000
	Cho thuê xe	2.491.490.000
8. Công ty Cổ phần Visa Taxi, Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000
	Cho thuê xe	8.543.600.000
• Các nhân viên quản lý chủ chốt	Cho vay để giúp vốn vào các đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh và để thực hiện các dự án đầu tư	19.013.379.660



CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính là Đồng, Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8.2. Công nợ với các bên liên quan

Cuối năm

Công nợ phải thu kể cả phải thu khác, chi hệ, cho vay và tạm ứng

Đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh	104.768.203.114
Các nhân viên quản lý chi nhánh	17.489.513.717

Công nợ phải trả kể cả phải trả khác

Đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Mại Linh	17.299.415.743
--	----------------

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 29/3/2007 đã thông qua nghị quyết về việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi cổ tức thành cổ phần phổ thông theo tỷ lệ 1:1. Việc chuyển đổi sẽ tiến hành thành hai đợt vào các ngày 1/8/2007 và ngày 31/12/2007.
- Vào ngày 1/11/2007, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13, theo đó Công ty Cổ phần Mại Linh đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Mại Linh.
- Báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2006 đã được giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 10/05/2008.

Ngày 10 tháng 05 năm 2008

Kế toán trưởng

MAI HÀ THANH HÙNG

Tổng Giám đốc



HỒ HUY